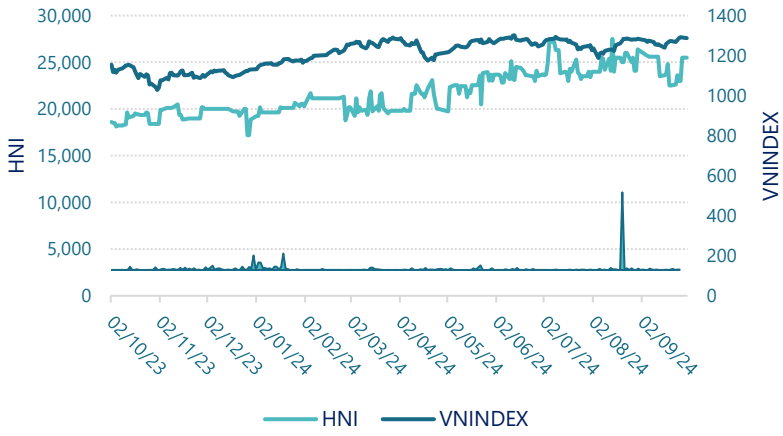
FireAnt

CTCP May Hữu Nghị (UPCOM: HNI)



Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**25,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	27,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	17,189
SL cổ phiếu LH	23,777,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,195
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	606
P/E	8.5
EPS	2,990

DT thuần

Q3/24

367

tỷ VNĐ

QoQ: ▼26.0| -6.7%

YoY: ▲ 171| 87.0%

LN sau thuế

Q3/24

16.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.50| -2.8%

YoY: ▲ 6.42| 65.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

5.5%

+/- YoY: ▼ 0.7%

DT thuần

9T 2024

940

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 265| 39.3%

LN sau thuế

9T 2024

42.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 12.8| 43.9%

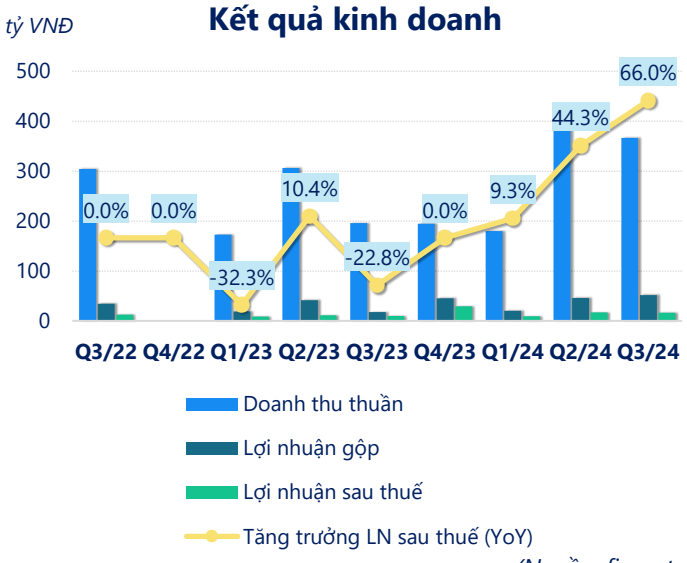
ROE

Q3/24

17.9%

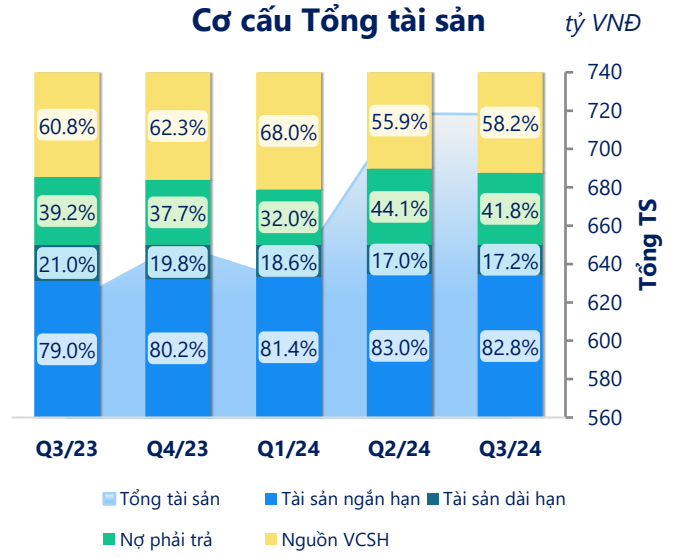
#VALUE!

Kết quả kinh doanh



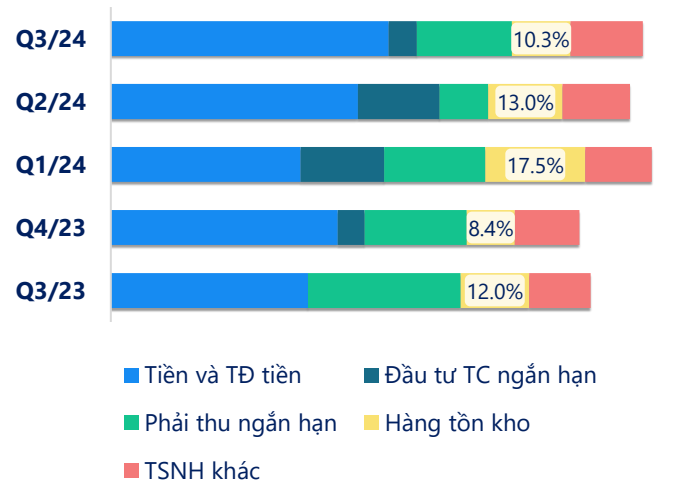
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



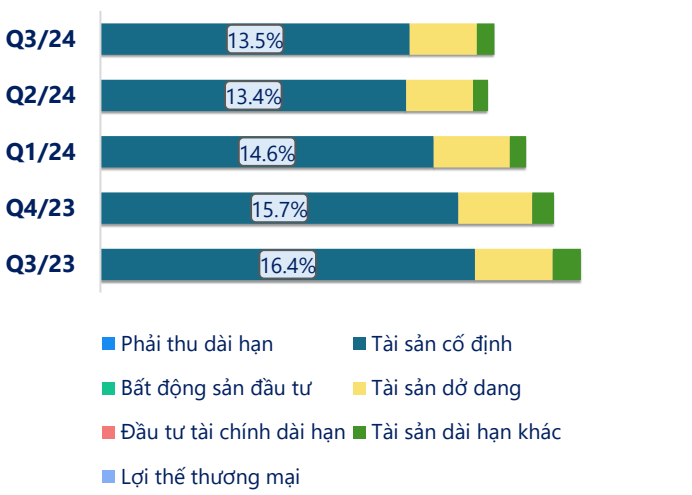
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



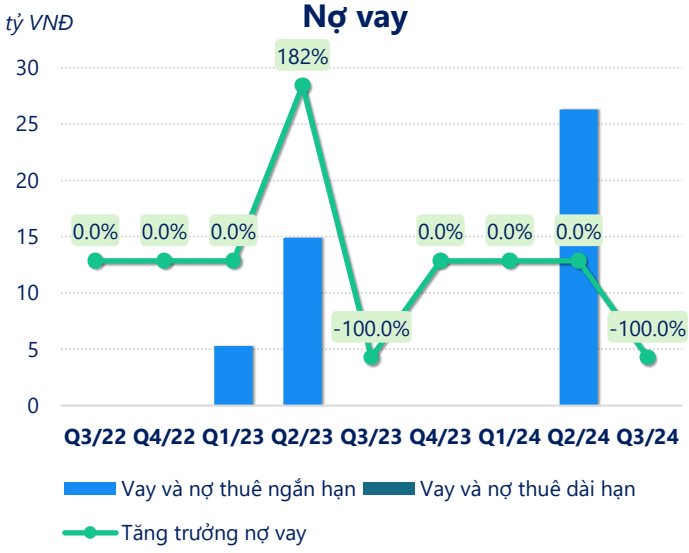
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



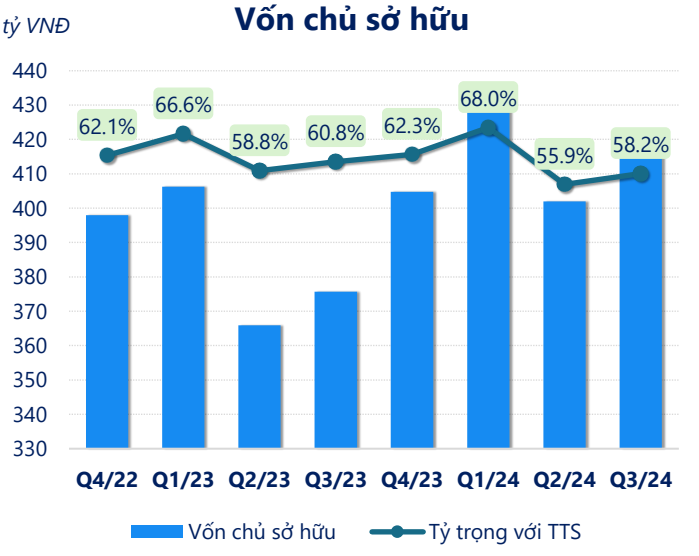
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



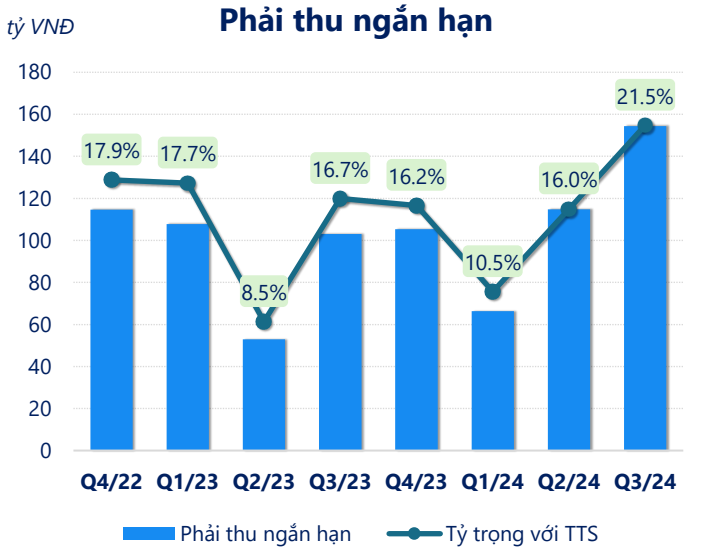
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



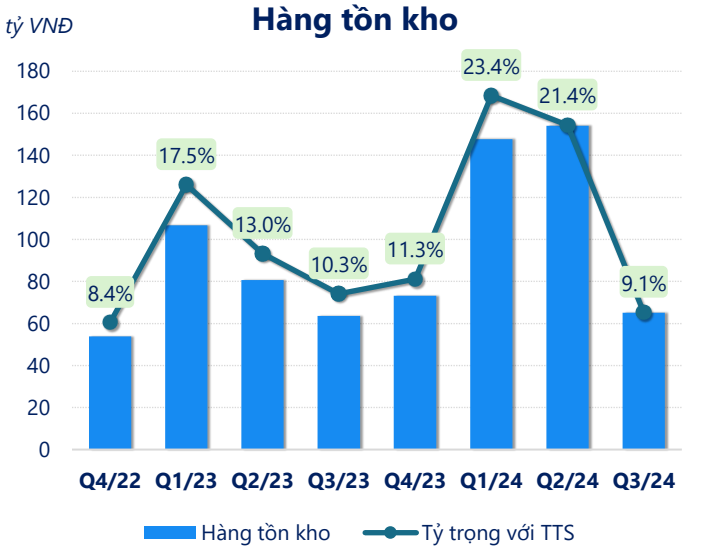
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



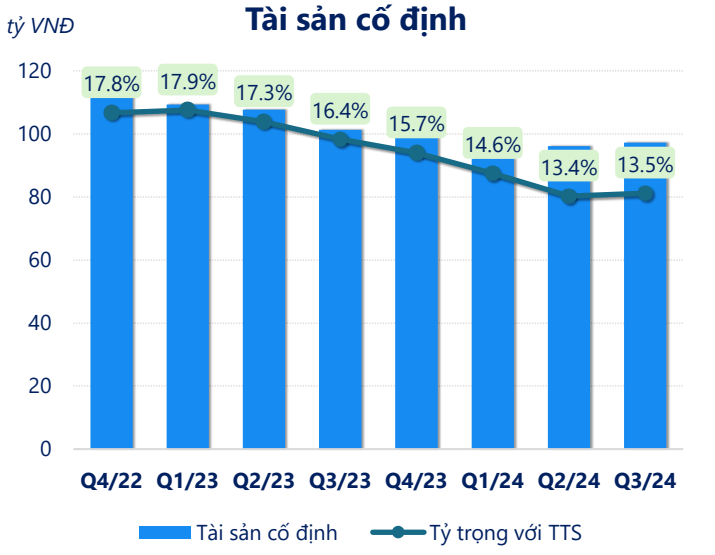
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



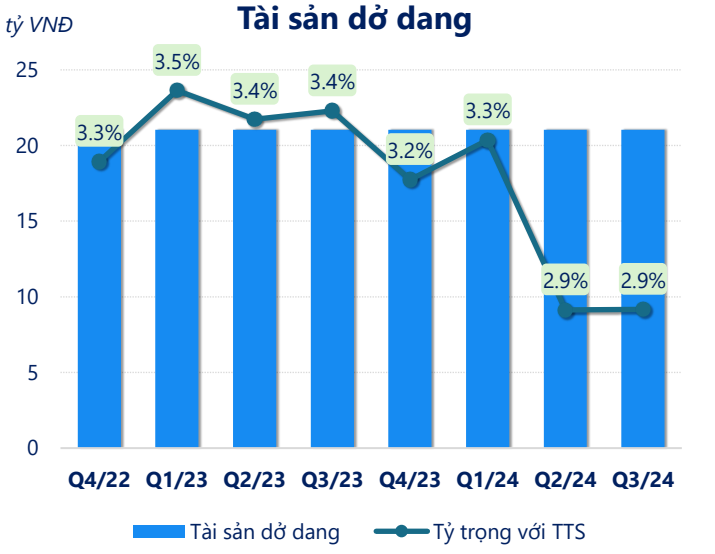
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



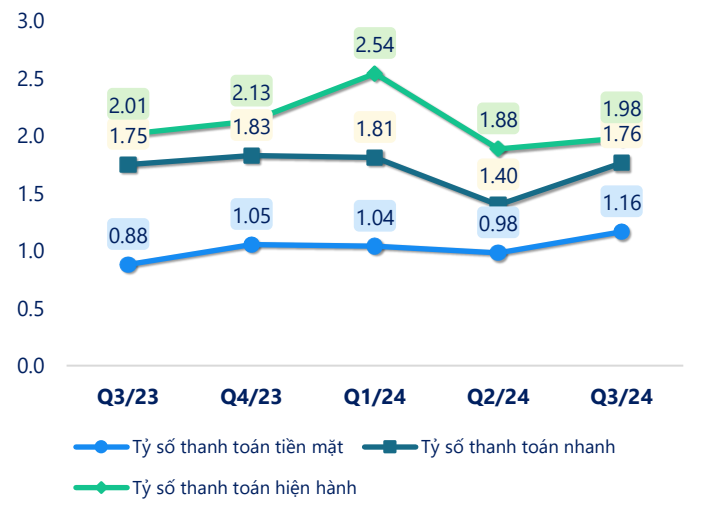
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**618**	**650**	**631**	**718**	**718**
Tài sản ngắn hạn	**488**	**521**	**514**	**597**	**594**
Tiền và tương đương tiền	213	258	210	311	349
Đầu tư tài chính ngắn hạn	30.3	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	103	105	66.3	115	154
Hàng tồn kho	63.6	73.2	148	154	65.1
Tài sản ngắn hạn khác	78.1	84.3	89.9	17.2	25.5
Tài sản dài hạn	**130**	**129**	**118**	**122**	**124**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	101	102	92.0	96.1	97.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	21.0	21.0	21.0	21.0	21.0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	7.61	6.15	4.49	4.71	5.58
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**243**	**245**	**202**	**317**	**300**
Nợ ngắn hạn	**243**	**245**	**202**	**317**	**300**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	26.3	0
Phải trả người bán ngắn hạn	25.7	26.2	41.0	48.8	45.4
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**376**	**405**	**429**	**402**	**418**
Vốn chủ sở hữu	**376**	**405**	**429**	**402**	**418**
Vốn điều lệ	238	238	238	238	238
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)